**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA THUỘC NGÀNH,**

**NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

***(Kèm theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)***

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực - ngành, nghề** |
| **I** | **Y tế** |
| 1 | Cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh |
| 2 | Cơ sở chăm sóc người tâm thần, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa;  |
| 3 | Cơ sở cai nghiện ma túy. |
| 4 | Cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong kiểm nghiệm thuốc. |
| **II** | **Giáo dục** |
| 1 | Xây dựng ký túc xá sinh viên |
| 2 | Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp. |
| 3 | Đầu tư phát triển các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp  |
| **III** | **Văn hóa - xã hội** |
| 1 | Đầu tư kinh doanh bảo tàng ngoài công lập (*cấp quốc gia*), nhà văn hóa dân tộc; đoàn ca, múa nhạc dân tộc; cơ sở sản xuất phim; cơ sở, làng nghề giới thiệu và phát triển các ngành, nghề truyền thống; đầu tư kinh doanh các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian. |
| 2 | Đầu tư kinh doanh thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. |
| **IV** | **Thể thao** |
| 1 | Đầu tư kinh doanh trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao; cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao chuyên nghiệp. |
| 2 | Đầu tư kinh doanh nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao, sân vận động, bể bơi; cơ sở sản xuất trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao. |
| **V** | **Môi trường** |
| 1 | Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải. |
| 2 | Cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung |
| 3 | Cơ sở cung cấp nước sạch. |
| 4 | Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường |
| 5 | Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500 m3/ngày (*24 giờ*) trở lên đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên |
| 6 | Cơ sở xử lý chất thải nguy hại |
| 7 | Cơ sở khắc phục sự cố môi trường |
| 8 | Cơ sở quan trắc môi trường |
| 9 | Cơ sở hỏa táng, điện táng  |
| 10 | Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được Nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích |

**Ghi chú:** Các cơ sở xã hội hóa theo danh mục loại hình nêu trên để được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.